



Số: 0830.1- K8/230 /KT2-K8

Ngày: 22/7/2024

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY NƯỚC TÂN SƠN**
- Ký hiệu mẫu: **M4**
- Số lượng mẫu: **01**
- Tình trạng mẫu: **Mẫu khoảng 2,5 lít, chứa trong can nhựa 2 lít, 01 chai thủy tinh 0,5 lít**
- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
- Địa chỉ: **Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam**
- Ngày lấy mẫu: **12/7/2024**
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu: **15h00'-15h10' tại các điểm đầu ra của hệ thống cấp nước thuộc Nhà máy nước Tân Sơn**
- Ngày thử nghiệm: **từ ngày: 12/7/2024 đến ngày: 19/7/2024**
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH ^(*)
1	Coliform CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 3
2	E.coli CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 1
3	Arsenic (As) mg/L	TCVN 6626:2000	< 0,0005 (MQL)	≤ 0,01
4	Clo dư tự do ^(**) mg/L	KT2.HD.CH-353 (K2.HD.91-SOP/MT)	0,71	0,2 + 1,0
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130 B:2017	0,74	≤ 2
6	Màu sắc mgPt/L	TCVN 6185:2015	< 2	≤ 15
7	Mùi, vị ^(NA)	KT2.QT.CH-362	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH (ở 25°C)	TCVN 6492:2011	6,7	6,0 + 8,5

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011.
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại Trạm bơm cấp 2 của Nhà máy nước Tân Sơn (Điểm đầu nguồn) – Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn.
- Quá trình lấy mẫu thực hiện theo biên bản lấy mẫu số: 230/KT2-K8 ngày 12/7/2024.

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCVN 01:2022/NT – Quy chuẩn Kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Ninh Thuận.
- (**): Chỉ tiêu được thực hiện tại hiện trường.
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do Trung tâm Kỹ thuật 2 lấy như Biên bản lấy mẫu kèm theo;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
- (NA): Chỉ tiêu chưa được Bộ A công nhận.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Như Loan





Số: 0830.2- K8/230 /KT2-K8

Ngày: 22/7/2024

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY NƯỚC TÂN SƠN**
- Ký hiệu mẫu: **M5**
- Số lượng mẫu: **01**
- Tình trạng mẫu: **Mẫu khoảng 2,5 lít, chứa trong can nhựa 2 lít, 01 chai thủy tinh 0,5 lít**
- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
- Địa chỉ: **Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam**
- Ngày lấy mẫu: **12/7/2024**
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu: **15h20'-15h30' tại các điểm đầu ra của hệ thống cấp nước thuộc Nhà máy nước Tân Sơn**
- Ngày thử nghiệm: **từ ngày: 12/7/2024 đến ngày: 19/7/2024**
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
1	Coliform CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 3
2	E.coli CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 1
3	Arsenic (As) mg/L	TCVN 6626:2000	< 0,0005 (MQL)	≤ 0,01
4	Clo dư tự do(**) mg/L	KT2.HD.CH-353 (K2.HD.91-SOP/MT)	0,56	0,2 + 1,0
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130 B:2017	0,64	≤ 2
6	Màu sắc mgPt/L	TCVN 6185:2015	< 2	≤ 15
7	Mùi, vị(NA)	KT2.QT.CH-362	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH (ở 25°C)	TCVN 6492:2011	6,6	6,0 + 8,5

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011.
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại vòi của hộ dân Thông, số nhà 113 Lê Duẩn (Điểm giữa nguồn đường ống) – Thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn.
- Quá trình lấy mẫu thực hiện theo biên bản lấy mẫu số: 230/KT2-K8 ngày 12/7/2024.

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCDP 01:2022/NT – Quy chuẩn Kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Ninh Thuận.
- (**): Chỉ tiêu được thực hiện tại hiện trường;
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do Trung tâm Kỹ thuật 2 lấy như Biên bản lấy mẫu kèm theo;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
- (NA): Chỉ tiêu chưa được Bộ A công nhận.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Như Loan





TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str, Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str, Thanh Khe District, Da Nang City
Trung tâm Kỹ thuật Tây Nguyên: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Central Highlands Technical Center: Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Điện thoại/Fax: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 0830.3- K8/230 /KT2-K8

Ngày: 22/7/2024

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: **NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY NƯỚC TÂN SƠN**
- Ký hiệu mẫu: **M6**
- Số lượng mẫu: **01**
- Tình trạng mẫu: **Mẫu khoảng 2,5 lít, chứa trong can nhựa 2 lít, 01 chai thủy tinh 0,5 lít**
- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
- Địa chỉ: **Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam**
- Ngày lấy mẫu: **12/7/2024**
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu: **15h35'-15h45' tại các điểm đầu ra của hệ thống cấp nước thuộc Nhà máy nước Tân Sơn**
- Ngày thử nghiệm: **từ ngày: 12/7/2024 đến ngày: 19/7/2024**
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
1	Coliform CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 3
2	E.coli CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 1
3	Arsenic (As) mg/L	TCVN 6626:2000	< 0,0005 (MQL)	≤ 0,01
4	Clo dư tự do(**) mg/L	KT2.HD.CH-353 (K2.HD.91-SOP/MT)	0,55	0,2 + 1,0
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130 B:2017	0,63	≤ 2
6	Màu sắc mgPt/L	TCVN 6185:2015	< 2	≤ 15
7	Mùi, vị(NA)	KT2.QT.CH-362	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH (ở 25°C)	TCVN 6492:2011	6,6	6,0 + 8,5

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011.
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại vòi của hộ Nguyễn Hà (Điểm cuối nguồn đường ống) – Thôn La Vang, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn.
- Quá trình lấy mẫu thực hiện theo biên bản lấy mẫu số: 230/KT2-K8 ngày 12/7/2024.

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCVN 01:2022/NT – Quy chuẩn Kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Ninh Thuận.
- (**): Chỉ tiêu được thực hiện tại hiện trường;
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do Trung tâm Kỹ thuật 2 lấy như Biên bản lấy mẫu kèm theo;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
- (NA): Chỉ tiêu chưa được Bộ A công nhận.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Như Loan

